

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2021/HC-PT
Ngày 18/11/2021
V/v: “Khiếu kiện Quyết định
hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 213/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 2052/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2217/2021/QĐPT-HC ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 210 đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ: 210 đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh – Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2019 (Có mặt).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 168 đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Hoàng Tùng – Chủ tịch (Xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người bị kiện:

Ông Trần Tuấn Khanh – Phó Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (Xin vắng mặt)

Bà Phan Thị Minh Loan – Trưởng Phòng tiếp công dân Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (Có mặt)

Ông Nguyễn Minh Tuấn – Trưởng Phòng nghiệp vụ 1 – Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ: 210 đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh –Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2019 (Có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện gửi ngày 19/02/2019; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/3/2020; Bản tự khai ngày 04/11/2019, người khởi kiện và đại diện trình bày:

Ông P và bà H được UBND quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 329947 ngày 29/12/2011 (viết tắt Giấy CNQSDĐ ngày 29/12/2011) đối với diện tích đất 157,8m². Phần diện tích nhà đất trên có một phần 37,1m² bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng, nâng cấp đường Lê Hữu Kiều (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến sông Giồng Ông Tố), nên được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 1.051.039.477 đồng và không đủ điều kiện tái định cư theo Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND quận 2.

Ông P khiếu nại quyết định, Chủ tịch UBND quận 2 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5859/QĐ-UBND-TTr ngày 30/11/2018, về bác yêu cầu bồi thường đất với đơn giá từ 100.000.000 đồng/m² đến 150.000.000 đồng/m². Không đồng ý, ông P khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về yêu cầu hủy hai quyết định nêu trên.

Các Văn bản số 218/UBND-BBT ngày 20/01/2020, số 4060/UBND-BBT và số 4061/UBND-BBT ngày 12/11/2020, đại diện người bị kiện trình bày:

Hộ ông P có phần đất bị thu hồi 37,1m² để thực hiện dự án theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND-TNMT ngày 04/6/2018 của UBND quận 2. Qua đó, việc bồi thường đất ở mặt tiền đường Nguyễn Thị Định đối với 23,7m² với đơn giá 40.114.000 đồng/m² và bồi thường vật kiến trúc trên đất tại ô (1) là 15,5m²; ô (2) là 8,2m² cũng như hỗ trợ chi phí sửa chữa, hoàn thiện của 29,5m² và

21,31m² với tổng số tiền là 100.337.677 đồng. Ngoài ra, không bồi thường, hỗ trợ phần đất còn lại và vật kiến trúc trên đất tại ô (1') và ô (2') là 13,4m² vì thuộc đường nêu tại Bản đồ địa chính năm 2004, sử dụng sau ngày 01/7/2004 theo Quyết định số 3437/QĐ-UBND là có cơ sở, kể cả việc bác đơn khiếu nại giá bồi thường tại Quyết định GQKN số 5859/QĐ-UBND-TTr. Do đó, người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P vì hai quyết định ban hành đúng pháp luật. Đồng thời, xin vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 2052/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P sau:

Hủy Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về phần bồi thường đất ở 23,7m² mặt tiền đường Nguyễn Thị Định với đơn giá 40.114.000 đồng/m² đối với ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thu H.

Hủy Quyết định số 5859/QĐ-UBND-TTr ngày 30/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thu H.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2020 ông P nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông P giữ nguyên kháng cáo và tham gia tranh tụng cho rằng: UBND thành phố T không áp dụng khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Luật đất đai năm 2003, mà áp dụng Luật đất đai năm 2013 để giải quyết bồi thường hỗ trợ là không đúng pháp luật, thiệt hại cho người bị thu hồi đất; đề nghị sửa án hủy hai quyết định trên, yêu cầu bồi thường theo mức giá 100.000.000 đồng/m² đất.

Người bảo vệ quyền lợi của UBND và Chủ tịch UBND thành phố T trình bày: Dự án mở rộng, nâng cấp đường Lê Hữu Kiêu thực hiện năm 2018, UBND và Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định năm 2018, nên phải áp dụng Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để giải quyết thu hồi, bồi thường là đúng pháp luật. Hơn nữa, khi nhà nước thực

hiện dự án mở rộng đường Lê Hữu Kiều, ông P cũng được hưởng lợi từ dự án này nên việc ông P yêu cầu bồi thường giá đất 100.000.000 đồng/m² là không phù hợp, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông P không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành P đúng theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện của ông P, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về “Khiếu kiện Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND Quận 2 (nay là thành phố T), Quyết định số 5859/QĐ-UBND-TTr ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND Quận 2 (nay là thành phố T) về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại của ông P, bà H; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND Quận 2 (nay là thành phố T) về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông P:

[2.1]. Để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Kiều, UBND Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/8/2018, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông P là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền của theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Theo tài liệu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 329947 ngày 29/12/2011 của UBND Quận 2 (nay là thành phố T) cấp cho ông P, bà H được sử dụng 157,8m², tại thửa 22, tờ bản đồ 30, nhà xây dựng diện tích 16,1m² (BL: 38);

[2.3]. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 71/HĐ-QLĐTXD ngày 18/3/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Trắc địa Bình An và Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 01/11/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ - Thương mại – Đo đạc Tạ Phú, thì diện tích nhà đất của ông P, bà H bị thu hồi 37,1m²; trong đó 23,7m² đất được cấp Giấy CNQSDĐ ngày 29/12/2011 và

13,4m² đất lấn đường Lê Hữu Kiều (BL: 41). Đối chiếu với Giấy chứng nhận cấp ngày 29/12/2011 thì diện tích nhà của ông P, bà H là 16,1m²; hiện nay nhà ông P, bà H bị thu hồi, tháo dỡ 37,1m², theo Bản đồ hiện trạng tại vị trí trên thì diện tích nhà còn lại của ông P, bà H lớn hơn 16,1m². Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, xác định diện tích nhà của ông P, bà H bị thu hồi, tháo dỡ xây dựng không phép sau ngày 01/7/2004 là có căn cứ.

[2.4]. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND Quận 2 (nay là thành phố T) bồi thường 23,7m² trong giấy đã cấp cho ông P, bà H là phù hợp; còn lại 13,4m² không được cấp giấy, thuộc đường Lê Hữu Kiều là có căn cứ. Bà N người đại diện theo ủy quyền của ông P, bà H cho rằng phần đất làm đường Lê Hữu Kiều có nguồn gốc của gia đình ông P là đúng. Tuy nhiên, gia đình ông P đã thống nhất hiến đất để làm đường nên ông P, bà H yêu cầu bồi thường là không có căn cứ. Đại diện của người khởi kiện yêu cầu áp dụng Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 14/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ để bồi thường cho ông P, bà H diện tích đất 23,7m² với đơn giá 100.000.000 đồng/m² là không phù hợp. Vì quyết định thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất được ban hành năm 2018 nên phải áp dụng Luật đất đai năm 2013 để xem xét giải quyết là phù hợp với Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 04/6/2018 của Hội đồng BT-GPMB Quận 2 được phê duyệt tại Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND Quận 2 và hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Do đó, Quyết định số 5859/QĐ-UBND-TTr ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND Quận 2 (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông P, bà H là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; lời trình bày của bà Nguyễn Thị N đại diện cho người kháng cáo không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành P, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành P; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 2052/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P về việc: Hủy Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) về phần bồi thường đất ở 23,7m² mặt tiền đường Nguyễn Thị Định với đơn giá 40.114.000 đồng/m² đối với ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thu H; Hủy Quyết định số 5859/QĐ-UBND-TTr ngày 30/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thu H.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào Biên lai thu số 013120 ngày 02/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nên ông Nguyễn Thành P đã nộp đủ án phí.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành P phải nộp 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0093546 ngày 27/01/2021 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thành P đã nộp đủ án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1). 15b PTHH

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý